



**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
HO CHI MINH CITY DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY



**TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM  
VÀ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES, EXPERIMENTATION  
AND STANDARDS, METROLOGY, QUALITY OF HO CHI MINH CITY

|                                                                 |                                                 |                        |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|
| Mã số mẫu/ Sample code<br>BN32606.17145830<br>MM32606.171458301 | <b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>TEST REPORT</b> | Ngày/ Date: 01/07/2026 |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH SX TM AQUA NOVA**  
Địa chỉ/ Address : **THÔN VĂN ĐĂNG, PHƯỜNG BẮC NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**  
Tên mẫu/ Name of sample : **MIAQUA-PRO**  
Số lượng/ Quantity : **1**  
Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong bao bì kín.**  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **17/06/2026**  
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **30/06/2026**

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/<br>Result  | Phương pháp/<br>Test method                                                       |
|------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub>      | g/kg                 | 97,0                | CASE.TN.0060 (2022) (Ref. Handbook of silicate rock analysis, TCVN 9588:2013) (*) |
| 2          | Ca                                  | mg/kg                | 13232               | TCVN 9588:2013 (ISO 27085:2009) (*)                                               |
| 3          | K                                   | mg/kg                | 3899                | TCVN 9588:2013 (ISO 27085:2009) (*)                                               |
| 4          | Mg                                  | mg/kg                | 30028               | TCVN 9588:2013 (ISO 27085:2009) (*)                                               |
| 5          | SiO <sub>2</sub>                    | g/kg                 | 485                 | CASE.TN.0060 (2022) (Ref. Handbook of silicate rock analysis, TCVN 9588:2013) (*) |
| 6          | Độ ẩm                               | %                    | 3,80 (Karl Fischer) | TCVN 11200:2016                                                                   |

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/  
Officer in charge of laboratory**

**TS. Nguyễn Thành Duy**

**KT.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR  
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**



**Lê Thành Thọ**

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This result is valid only for the tested sample.

2. Thông tin về mẫu (tên mẫu, tên khách hàng, địa chỉ) được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information relating to the sample (sample name, customer name, address) is recorded in accordance with the customer's request.

3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của CASE-SMQ/ This result shall not be reproduced except in full, without the prior written approval of CASE-SMQ.

**TRỤ SỞ CHÍNH/ HEAD OFFICE**

Ⓢ Số 2 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh  
No. 2 Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City  
☎ 028 3829 5087 – 3829 1744 casehcm@case-smq.vn

**CHI NHÁNH CẦN THƠ/CAN THO BRANCH**

Ⓢ Số F2.67- F2.68 Nguyễn Thị Sáu, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ  
No. F2.67- F2.68 Nguyen Thi Sau Street, Hung Phu Ward, Can Tho City  
☎ 0292 3918 217 – 3918 218 casecantho@case-smq.vn

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG/CENTRAL REPRESENTATIVE OFFICE**

Ⓢ Số STH 27.18 Đường 8E, KĐT mới Lê Hồng Phong II, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
No. STH 27.18 E Street, Le Hong Phong II New Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province  
☎ 0258 2465 255 – 2465 355 vanphongmien trung@case-smq.vn



1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This result is valid only for the tested sample.  
2. Thông tin về mẫu (tên mẫu, tên khách hàng, địa chỉ) được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information relating to the sample (sample name, customer name, address) is recorded in accordance with the customer's request.  
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của CASE-SMQ/ This result shall not be reproduced except in full, without the prior written approval of CASE-SMQ.

**TRỤ SỞ 1/OFFICE 1**

📍 Số 263 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh  
No. 263 Dien Bien Phu Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City  
☎ 028 3930 2733 – 3933 3533    📧 truso1@case-smq.vn

**TRỤ SỞ 3/OFFICE 3**

📍 Số 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh  
No. 26 Huynh Van Nghe Street, Phu Loi Ward, Ho Chi Minh City  
☎ 0274 3897 574 – 3883 186    📧 truso3@case-smq.vn

**TRỤ SỞ 4/OFFICE 4**

📍 Số 379 Hà Huy Tập, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh  
No. 379 Ha Huy Tap Street, Ba Ria Ward, Ho Chi Minh City  
☎ 0254 3717 636    📧 truso4@case-smq.vn

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 11079/2026/KN-DV

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC SABIO  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 166 Phạm Văn Sáng, Ấp 2, Xã Bà Điểm, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC SABIO  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung và sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, đựng trong túi kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.  
Mã số mẫu/Sample code : 6.1633  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 24/06/2026  
Ngày phân tích/Analysing date : 24/06/2026

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method                                             |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 3186880-02                             | Asen vô cơ (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012) |
|                                        | Chì (Pb) (*)                           | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | 2,97               | HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015)             |
|                                        | Cadimi (Cd) (*)                        | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015)             |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (*)                     | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012) |
|                                        | Asen (As) (*)                          | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,48               | HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012) |
|                                        | Asen (As)                              | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,46               | TCVN 8900-9:2012                                                            |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | 3,08               | TCVN 8900-7:2012                                                            |

Cần Thơ, ngày/date: 29/06/2026  
GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

## Ghi chú/ Note:

Nguyễn Đình Xuân Quý

- Phòng thử nghiệm đã được công nhận ISO/IEC 17025/ The testing laboratory has been accredited to ISO/IEC 17025 .
- Tất cả các chỉ tiêu đã được cơ quan thẩm quyền chứng nhận hoạt động/All parameters have been certified for operation by the competent authority.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025
- (\*\*) Chỉ tiêu được cơ quan thẩm quyền chỉ định/ parameters designated by the competent authority.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation . LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection.
- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This result shall not be reproduced, in whole or in part, without the written approval of the Director of Regional Center I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.